

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **62/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 02/8/2023

*“V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung, nợ chung
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ma Quốc Thể và ông Hoàng Văn Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con chung, giải quyết nợ chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 33^a/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị L.**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Bị đơn:* Anh **Đinh Văn C.**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn Y, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở Cai nghiện ma túy số 3 – Thôn X, xã M, huyện Đ, thành phố Hà Nội (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Phòng giao dịch Ngân hàng H. Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn S, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng L. – chức vụ: Phó giám đốc phụ trách. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Văn H. – chức vụ: Phó giám đốc (*vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. kết hôn với nhau vào năm 2003, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp T., huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 22/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống và làm việc tại thôn Y, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 02/2023 chị Lương Thị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn C..

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị L. trình bày: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh Đinh Văn C. đưa đòi bạn bè chơi cờ bạc nghiện hút ma túy. Tháng 4 năm 2022 anh C. phải đi cai nghiện bắt buộc, vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị L. xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn C..

Tại biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Đinh Văn C. trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì lớn. Khoảng 2, 3 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh bị bạn bè rủ rê, lôi kéo sa vào con đường nghiện ma túy. Hiện anh đang đi cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện số 3. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vẫn mong muốn gia đình được đoàn tụ nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. có 02 con chung là Đinh Thị Thanh C., sinh ngày 22/02/2005 và Đinh Ngọc N., sinh ngày 31/7/2007. Khi ly hôn chị L. đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N. cho chị được nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con còn cháu C. đã trưởng thành và đã đi làm nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh C. có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh nuôi dưỡng, giáo dục.

Lời khai của cháu Đinh Ngọc N. có trong hồ sơ thể hiện nếu bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng với mẹ.

Về tài sản chung: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. cùng có quan điểm tự thỏa thuận giao anh C. được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Ngày 12/3/2020 hộ gia đình anh Đinh Văn C. và chị Lương Thị L. có vay của Ngân hàng H. số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 6,600%/năm, lãi nợ quá hạn 8,580%/năm, thời hạn trả ngày 12/3/2025, theo chương trình vay cho hộ nghèo. Khi vay anh C. là người đứng tên, chị L. là người thừa kế. Việc vay vốn được thể hiện tại sổ vay vốn số 7074408958 và sổ lưu từ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ ngày 12/3/2020 đã ký giữa Ngân hàng H. Sơn Dương với anh C.. Tính đến ngày 22/02/2023 hộ gia đình còn nợ số tiền gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền lãi là 1.543.288 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng).

Quá trình giải quyết chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. cùng có quan điểm nhất trí giao anh C. có trách nhiệm trả khoản nợ trên cho Ngân hàng H.. Đại diện Ngân

hàng H. có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết tuyên buộc các đương sự có nghĩa vụ trả khoản nợ trên Ngân hàng H. theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, quá trình giải quyết chị Lương Thị L. trình bày vợ chồng còn nợ Ngân hàng A – Chi nhánh Huyện Sơn Dương (viết tắt: Ngân hàng A) số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 20/12/2023, do chị L. đứng tên vay, anh C. là người thừa kế. Khoản nợ này đứng tên chị là người vay nên chị nhất trí mình chị sẽ có tách nhiệm trả nợ. Chị cũng đã ký thỏa thuận với Ngân hàng A là chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng A nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Đinh Văn C. có hộ khẩu thường trú tại thôn Y, xã T, huyện S., tỉnh Tuyên Quang. Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp T., huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Y, xã T, huyện S.. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, đến khoảng 2 - 3 năm gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị đi ra ngoài làm ăn và sau đó anh C. nghiện ma túy, chị L. có khuyên can nhiều lần nhưng không thành. Hiện nay anh C. đang đi cai nghiện ma túy ở Hà Nội.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. kết hôn vào năm 2003 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp T., huyện Sơn Dương là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, hiện vợ chồng sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Lương Thị L. được ly hôn với anh Đinh Văn C.; về con chung: giao cháu Đinh Ngọc N., sinh ngày 31/7/2007 cho chị Lương Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; về nợ chung: Anh Đinh Văn C. có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H. số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật; về tài sản, đất đai chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Lương Thị L. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn C., giao nuôi con chung và giải quyết về công nợ chung theo quy định. Không đề nghị giải quyết về tài sản, đất đai chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn, giao nuôi con chung và nợ chung khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do hiện tại anh C. đang đi cai nghiện ma túy, anh C. đã có đơn xin xử vắng mặt. Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 28, 35, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp T., huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 22/10/2003 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ban đầu hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Tháng 02/2023, chị L. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Văn C.. Anh C. xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, không nhất trí ly hôn. Căn cứ kết quả xác minh tại địa phương, căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh Đinh Văn C. là đối tượng nghiện ma túy, chị L. đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được, hiện nay anh C. đang đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện số 3 Hà Nội.

Như vậy, cuộc sống hôn nhân của chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân, nên xác định hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Lương Thị L. được ly hôn với anh Đinh Văn C..

2.2. Về con chung: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. có 02 con chung là Đinh Thị Thanh C., sinh ngày 22/02/2005 và Đinh Ngọc N., sinh ngày 31/7/2007.

Xét thấy, cháu Đinh Thị Thanh C., sinh ngày 22/02/2005 đã trưởng thành và đã đi làm, các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Cháu Đinh Ngọc N. là con chung của chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu N.. Quá trình giải quyết anh C. có quan điểm được nuôi dưỡng cả hai cháu nhưng hiện anh C. đang đi cai nghiện ma túy không có mặt ở địa phương. Chị L. có quan điểm được nhận nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh C. cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của cháu Đinh Ngọc N. có trong hồ sơ thể hiện cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Đinh Ngọc N., sinh ngày 31/7/2007 cho chị Lương Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Đinh Văn C. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị Lương Thị L. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

2.3. Về tài sản chung: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. cùng có quan điểm giao anh C. được toàn quyền sở hữu, sử dụng nhà đất, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về công nợ chung:

Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. đang còn nợ Ngân hàng H. số tiền gốc 50.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 22/02/2023 là 1.543.288 đồng. Quá trình giải quyết anh C., chị L. có quan điểm mục đích vay tiền để làm nhà, anh chị đã thỏa thuận anh C. là người được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà, đất và anh C. có nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng. Ngân hàng có quan điểm đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật trên cơ sở buộc các đương sự thanh toán khoản tiền nợ cho Ngân hàng.

Xét thấy, việc chị L., anh C. còn nợ ngân hàng số tiền gốc 50.000.000 đồng là thực tế. Đây là khoản nợ chung của vợ chồng nên anh chị cùng có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng. Tuy nhiên, quá trình giải quyết anh C. có quan điểm anh sẽ là người có trách nhiệm trả khoản tiền nợ cho Ngân hàng. Chị L. cũng nhất trí để anh C. có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do các đương sự thỏa thuận để anh C. được quyền sở hữu sử dụng nhà đất là tài sản chung của vợ chồng, người đứng tên vay tiền là anh C.. Việc anh C. nhận trả khoản tiền nợ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận tuyên buộc anh Đinh Văn C. có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng H. Sơn Dương số tiền gốc 50.000.000 đồng, số tiền lãi tính đến ngày 22/02/2023 là 1.543.288 đồng. Do khoản tiền chưa đến hạn thanh toán nên tuyên buộc anh C. có nghĩa vụ chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ theo thỏa thuận đã ký với Ngân hàng từ ngày 23/02/2023 cho đến khi thanh toán xong hết khoản tiền nợ gốc trên.

Ngoài ra, hồ sơ còn thể hiện ngày 27/12/2021 chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. có vay Ngân hàng A – Chi nhánh Huyện Sơn Dương (viết tắt: Ngân hàng A) số tiền gốc 50.000.000 đồng, thời hạn trả ngày 20/12/2023, do chị L. đứng tên vay, anh C. là người thừa kế. Quá trình giải quyết chị L. và anh C. cùng có quan điểm tự thỏa thuận với nhau không đề nghị Tòa án giải quyết. Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương đã có văn bản gửi Ngân hàng A nếu có yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án ly hôn Tòa án đang thụ lý thì phải có đơn khởi kiện và cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên Ngân hàng A chỉ cung cấp chứng cứ mà không có đơn khởi kiện. Ngày 10/4/2023 đại diện Ngân hàng A và chị L. đã thỏa thuận chị L. sẽ có nghĩa vụ trả khoản nợ trên cho ngân hàng A theo đúng định kỳ đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 810LAV2021.07375 ngày 27/12/2021 giữa Ngân hàng A - Chi nhánh Huyện Sơn Dương – Phòng giao dịch Tân Trào với chị Lương Thị L. nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. thuộc diện hộ nghèo nên chị L. được miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh C. được miễn nộp khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 37, 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L. được ly hôn với anh Đinh Văn C..

2. Về con chung: Giao cháu Đinh Ngọc N., sinh ngày 31/7/2007 cho chị Lương Thị L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đinh Văn C. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về công nợ: Anh Đinh Văn C. có nghĩa vụ trả nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng H. Sơn Dương số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), số tiền lãi (tính đến ngày 22/02/2023) là 1.543.288 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng). Anh C. còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/02/2023 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc trên theo thỏa thuận tại sổ vay vốn số 7074408958 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ ngày 12/3/2020 đã ký giữa Ngân hàng H. Sơn Dương với anh C..

4. Về án phí: Chị Lương Thị L. và anh Đinh Văn C. thuộc diện hộ nghèo nên chị L. được miễn nộp khoản tiền án phí ly hôn sơ thẩm, anh C. được miễn nộp khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã Hợp T. (Nơi ĐKKH);
- UBND xã T. (Nơi ĐK HKTT);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến